

Bản án số: 18/2018/HSST
Ngày 24 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà DƯƠNG THỊ TU

2/ Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông TRẦN THÀNH DANH - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh ngày 26/10/1956 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 6A (số cũ 10A6), Khu phố 2, Phường 1, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: Phật; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn Hộ (chết) và bà Nguyễn Thị Quyên (chết); chồng: Nguyễn Văn Chính (chết); có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Tại bản án số: 05/2014/HSST ngày 10/01/2014 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân của bị cáo:

- Ngày 27/10/1998 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T xử phạt 03 tháng 12 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, đã xóa án tích;

- Ngày 26/3/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích;

- Ngày 07/8/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích;

- Ngày 06/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích;

- Ngày 10/01/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 29/4/2016.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/01/2018, chuyển sang tạm giam từ ngày 31/01/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HỒNG P**, sinh năm 1986 tại tỉnh T; nghề nghiệp: không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 6A (số cũ 10A6), Khu phố 2, Phường 1, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: Phật; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn Chính (chết) và bà Nguyễn Thị T (bị cáo trong vụ án); chồng: Huỳnh Công Minh, sinh năm 1986; có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân của bị cáo:

- Năm 2000 bị đưa vào cơ sở giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 07/8/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích;

- Ngày 10/01/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/01/2018, chuyển sang tạm giam từ ngày 31/01/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1/ Chị **Nguyễn Thị Lệ Hằng**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà A 9/35, Khu phố 5, Phường 4, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt);

2/ Chị **Nguyễn Thị Thùy Dương**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 53 đường Phạm Hồng Thái, Khu phố 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh T (vắng mặt);

3/ Chị **Nguyễn Thị Lệ Quyên**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 67, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt);

4/ Chị **Phan Thị Tiên**, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 34, Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/10/2017 đến ngày 22/01/2018, Nguyễn Thị T dùng xe mô tô biển số 70B1-471.79 của mình chở theo con ruột là Nguyễn Thị Hồng P hoặc đi một mình đến khu vực huyện H thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 07 giờ ngày 27/10/2017, T điều khiển xe chở P đến tiệm bán đồ thờ cúng “Tư Oanh” thuộc Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, thấy chị Phan Thị Tiên dựng

xe mô tô hiệu Vision trước cửa tiệm vào bên trong mua đồ, trong ngăn học phía trước xe có để một điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus 128 GB. T dừng xe giao cho P đứng bên ngoài đợi. T lên lút đi đến lấy điện thoại của chị Tiên, xong quay ra xe P chờ tẩu thoát. Sau đó T đem điện thoại bán cho người không quen biết được 600.000 đồng lấy tiền tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 07 giờ ngày 13/11/2017, T một mình điều khiển xe đến trường tiểu học Thị trấn H thuộc Khu phố 4, thị trấn H thấy có nhiều phụ huynh đưa con vào lớp học. T dừng xe trước cổng trường, đi bộ vào lớp 2C, thấy túi xách của cô giáo Nguyễn Thị Lệ Hằng để trên bàn giáo viên không người trông giữ, bên trong có 800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, 01 giấy chứng minh nhân dân (CMND), 01 thẻ tín dụng ngân hàng Vietcombank, T lên lút lấy túi xách của cô Hằng rồi lên xe tẩu thoát. Trên đường đi, sau khi lút lấy tiền và điện thoại, T ném bỏ túi xách trong đó có giấy CMND, thẻ tín dụng của cô Hằng (đến nay chưa thu hồi được). Điện thoại trộm được, T đem bán cho người không quen biết được 1.500.000 đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 08 giờ ngày 13/12/2017, T điều khiển xe chở P đến trước cổng trường Mẫu giáo 19/5 thuộc Khu phố 4, thị trấn H, dừng xe giao cho P đứng ngoài đợi. T đi bộ vào phòng học lớp Chồi 1, lên lút đến bàn giáo viên lấy túi xách, bên trong ngăn lớn có 600.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Oppo F1, ngăn nhỏ có 200 USD của cô giáo Nguyễn Thị Lệ Quyên, xong ra xe P chờ tẩu thoát. Trên đường đi, T lút lấy tiền cùng điện thoại trong ngăn lớn và ném bỏ túi xách cùng với 200 USD (đến nay chưa thu hồi được). Điện thoại T đem bán cho người không quen biết được 1.500.000 đồng, chia cho P 500.000 đồng, cùng tiêu xài hết.

Vụ thứ 4: Khoảng 08 giờ ngày 22/01/2018, T điều khiển xe chở P đến trước Trạm Y tế thị trấn H, thuộc Khu phố 3, thị trấn H, nhìn thấy có nhiều người đưa con đến tiêm ngừa. T dừng xe cấp lè đường giao cho P đứng đợi. T đi bộ vào khu ngồi chờ trong trạm Y tế, nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thùy Dương đang bế con ngồi trên ghế đá, bên cạnh có để một túi xách màu đỏ nên T giả vờ đến ngồi bên cạnh. Lợi dụng lúc chị Dương đang chăm sóc con thiếu cảnh giác, T lên lút mở túi xách lấy cái bóp màu đen bên trong có 4.200.000 đồng, 11 USD, một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Y8, một giấy chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe và một giấy đăng ký xe của chị Dương rồi đi ra ngoài thì bị chị Dương phát hiện truy hô mọi người bắt giữ T cùng vật chứng. Riêng P biết T bị phát hiện nên điều khiển xe bỏ chạy, đến 13 giờ 15 phút cùng ngày bị bắt khẩn cấp.

Tại các Kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG-TTHS ngày 29/01/2018; số: 07/KLĐG-TTHS ngày 22/02/2018 và số: 10/KLĐG-TTHS ngày 07/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh T, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7 Plus 128 GB trị giá 19.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 8.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 trị giá 3.700.000 đồng; 200 USD trị giá 4.490.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A8 trị giá 8.000.000 đồng; 11 USD trị giá 246.565 đồng.

Riêng hai túi xách và một bóp da mà các bị cáo trộm của chị Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Lệ Quyên và Nguyễn Thị Thùy Dương, Hội đồng không định giá được.

Các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm, tổng tài sản chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh T định giá là 43.436.565 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) điện thoại di động màu đỏ bạc, hiệu LV Mobile, số Imei: 353142050284986, đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô màu trắng, nhãn hiệu Honda Vision, biển số 70B1-471.79, số máy: JF58E0107169, số khung: RLHJF 5809EY107111, có nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam: 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

*** Về bồi thường thiệt hại:** Chị Dương đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Chị Tiền yêu cầu bồi thường 19.000.000 đồng. Chị Hằng yêu cầu bồi thường 8.800.000 đồng, không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách, giấy chứng minh nhân dân và thẻ tín dụng. Chị Quyên yêu cầu bồi thường 8.790.000 đồng, không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách.

Đối với người mua điện thoại do T bán hiện chưa xác định được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo T đồng ý bồi thường cho chị Tiền 19.000.000 đồng, chị Hằng 8.800.000 đồng, chị Quyên 8.790.000 đồng; bị cáo P trình bày hiện nay bị cáo đang sống chung với bị cáo T, số tiền bị cáo T trộm được sử dụng vào mục đích tiêu xài chung gia đình nên bị cáo P đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng với bị cáo T bồi thường số tiền theo yêu cầu của những người bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKSHT ngày 11 tháng 4 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn thị T, Nguyễn Thị Hồng P về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng P mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc xe Vision, 01 điện thoại di động của bị cáo T; trả lại cho bị cáo T số tiền 1.330.000 đồng; trả lại cho bị cáo P số tiền 2.120.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận chị Dương đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

- Buộc các bị cáo bồi thường cho chị Tiền 19.000.000 đồng; chị Hằng 8.800.000 đồng, ghi nhận chị Hằng không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách, giấy chứng minh nhân dân và thẻ tín dụng; chị Quyên 8.790.000 đồng, ghi nhận chị Quyên không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo đã ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình lo cho các cháu.

Lời nói sau cùng của bị cáo P: Bị cáo đã ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/10/2017 đến ngày 22/01/2018, Nguyễn Thị T dùng xe mô tô biển số 70B1-471.79 của mình chở theo con ruột là Nguyễn Thị Hồng P hoặc đi một mình đến khu vực huyện H, tỉnh T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của nhiều người thì bị bắt giữ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 43.436.565 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. **Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò một cách chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn.**

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do muốn chiếm đoạt điện thoại di động và tiền của người khác để tiêu xài nên bị cáo T đã cùng với con là bị cáo P lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của người khác lén lút lấy trộm điện thoại di động và tiền của nhiều người, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của những người bị hại được pháp luật bảo vệ. Đối với bị cáo T đã chấp hành 05 bản án về tội trộm, trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích và đối với vụ án này thực hiện 04 lần phạm tội liên tục, nên lần này là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; bị cáo P đã có 02 tiền án về tội trộm nhưng đã được xóa án tích, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 và truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương, các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do chạy lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nên dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Trong vụ án này, bị

cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản, bị cáo P tuy không trực tiếp lấy trộm nhưng đồng ý đi cùng với bị cáo T với vai trò giúp sức để thực hiện hành vi trộm và bán tài sản lấy tiền tiêu xài chung, nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P. Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục ý thức pháp luật để sau khi chấp hành xong hình phạt tù các bị cáo sẽ trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Chỉ trong khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của người khác và bị bắt quả tang, là trường hợp phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo T có một tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai ra những lần thực hiện hành vi trộm, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại **điểm s** khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên được miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

*** Về xử lý vật chứng:**

Xét thấy bị cáo T đã sử dụng xe Vision và điện thoại di động của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền thu giữ của bị cáo T 1.330.000 đồng và thu giữ của bị cáo P 2.120.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo, tuy nhiên do các bị cáo phải thi hành tiền án phí và trách nhiệm dân sự đối với những người bị hại nên cần chuyển số tiền này cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của các bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo T và bị cáo P có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Tiền, chị Hằng, chị Quyên giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt chưa thu hồi được là phù hợp. Riêng chị Dương đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Hồng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/01/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng P 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự:

- Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy Dương đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Phan Thị Tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng); chị Nguyễn Thị Lê Hằng 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng), ghi nhận chị Hằng không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách, giấy chứng minh nhân dân và thẻ tín dụng; chị Nguyễn Thị Lê Quyên 8.790.000 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), ghi nhận chị Quyên không yêu cầu bồi thường giá trị túi xách.

Kể từ ngày chị Tiền, chị Hằng, chị Quyên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo T, P không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả cho những người có đơn yêu cầu thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đỏ bạc, hiệu LV Mobile, số Imei: 353142050284986, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) xe mô tô màu trắng, nhãn hiệu Honda Vision, biển số 70B1-471.79, số máy: JF58E0107169, số khung: RLHJF 5809EY107111, có nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 1.330.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn Thị Hồng P 2.120.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng chuyển số tiền này cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.115.000 đồng (một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.115.000 đồng (một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử P thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).